TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2023/HS-ST Ngày 09- 8- 2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ước

Ông Cao Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình D, sinh ngày 02/9/1989 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1966; có vợ là Bùi Thị H1, sinh năm 1997, có 01 con 02 tháng tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 15/4/2022 bị Công an thành phố Hải Phòng xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi khai thác khoáng sản (cát) trái phép (chưa hết thời hiệu được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính); bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/4/2023; có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

- Anh Bùi Văn H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn S, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

- Anh Bùi Đoan T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

- *Người làm chứng*: Trịnh Thị Hà; vắng mặt.

NỘI D2NG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D2ng vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 22 giờ 00 phút ngày 22/02/2023, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - Công an thành phố Hải Phòng phối hợp cùng Phòng Cảnh sát giao thông đường thủy và Công an huyện T kiểm tra, phát hiện Nguyễn Văn D1; Bùi Văn H và Bùi Đoan T đang điều khiển phương tiện thủy tàu vỏ sắt có ghi số hiệu HD 2565 khai thác cát trái phép trên đoạn sông V thuộc địa phận xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng. Lượng hàng hóa trên tàu vỏ sắt là 22,5m^3 cát. Cơ quan Công an đã thu giữ mẫu cát trên tàu và mẫu cát tại đáy sông V, vị trí các đối tượng khai thác cát để giám định.

Tại Chứng thư giám định số 431/N/022023 ngày 27/02/2023 của Công ty Cổ phần Giám định - Thương mại B xác định hàng hóa trên tàu HD2565 và hàng hóa tại vị trí khai thác cát trên sông V, Hải Phòng có tính chất tương đồng, là khoáng sản cát (cát đen), loại cát hạt mịn, có lẫn nhiều tạp chất dùng trong san lấp.

Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 19/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận 22,5 m^3 khoáng sản (cát đen) có giá trị là 2.700.000 đồng.

Tại Công văn số 794/STNMT-KSTNN ngày 01/3/2023 của Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng xác định: Hiện Ủy ban nhân dân thành phố không cấp Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản cát làm vật liệu san lấp (Giấy phép còn hiệu lực) cho doanh nghiệp nào trên tuyến sông V, đoạn từ cầu Khuể đến bến phà D, thành phố Hải Phòng. Vị trí các đối tượng khai thác cát không nằm trong ranh giới, diện tích khu vực khai thác khoáng sản cát được Ủy ban nhân dân thành phố cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đình D khai: Đầu năm 2023, ông Nguyễn Đình C (bố đẻ D) giao tàu vỏ sắt có ghi số hiệu HD 2565 cho D sử dụng vào việc kinh doanh, chuyển tải cát thuê. Con tàu trên thuộc quyền sở hữu của bố mẹ đẻ D. Khoảng tháng 01/2023 do ít người có nhu cầu chuyển tải cát nên D nảy sinh mục đích sử dụng tàu để khai thác cát trái phép. D thuê Nguyễn Văn D1, Bùi Văn H,

Bùi Đoan T điều khiển, vận hành tàu HD 2565 đi khai thác cát trái phép tại khu vực cửa sông V, thù lao 200.000 đồng cho mỗi người trong 01 chuyến. Sáng ngày 22/02/2023, D thỏa thuận với D1, H, T buổi tối cùng ngày sẽ khai thác cát trái phép tại khu vực cửa sông V, huyện K (khu vực cửa biển). Tối ngày 22/02/2023 D1, H, T điều khiển tàu ra khu vực cửa biển để khai thác cát nhưng do thời tiết xấu, sóng to nên D1 gọi điện thoại thông báo cho D biết sẽ khai thác cát tại khu vực sông V, địa phận xã N, huyện K; D không phản đối. Khoảng 22 giờ cùng ngày, D1, H, T đang khai thác cát thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt giữ và xác định nhóm D2 đã khai thác được 22,5m^3 khoáng sản cát lẫn tạp chất. Ngoài ra trong các ngày 15 và 16/01/2023 D thuê D1, H, T khai thác trái phép được 02 chuyến khoáng sản cát tại khu vực sông V nhưng không biết cụ thể vị trí đã khai thác và đặc điểm loại cát khai thác được. Sau khi khai thác trái phép, D2 điều khiển tàu vỏ sắt đến bán cát cho bà Trịnh Thị H2, sinh năm 1965, cư trú tại thôn T, xã V1, huyện V, thành phố Hải Phòng, khối lượng khoảng 80m^3. Bà H2 đã trả tiền mua cát cho D là 3.600.000 đồng, D trả thù lao cho D1, H, T mỗi người 400.000 đồng. D tự nguyện giao nộp lại 2.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Trước đó, ngày 15/4/2022 D đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác cát trái phép.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đình C, Phạm Thị H1 thống nhất khai: Ông bà là vợ chồng, khoảng tháng 9/2021, ông bà có chung tiền với anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1982 và vợ là chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1988 cư trú tại khu 6, thị trấn T, huyện T, thành Hải Phòng mua tàu vỏ sắt có ghi số hiệu HD 2565 của người đàn ông ở tỉnh Bắc Giang (không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) với giá 750 triệu đồng, có giấy viết tay, do ông C và anh Tuấn ký với người đàn ông đó nhưng đã bị mất (tàu không đăng ký, đăng kiểm). Tháng 10/2022, ông bà trả cho vợ chồng anh T3 375 triệu đồng, từ đó ông bà được toàn quyền sở hữu tàu vỏ sắt trên. Toàn bộ số tiền mua tàu là tài sản chung của ông bà. Sau khi mua tàu, ông bà sử dụng vào việc kinh doanh chuyển tải cát thuê đến đầu năm 2023, do sức khỏe ông bà yếu nên giao lại tàu này cho con trai là Nguyễn Đình D quản lý giúp và sử dụng vào việc kinh doanh, chuyển tải cát thuê. Ông bà không giao Tàu cho D để khai thác cát trái phép, sau khi sự việc xảy ra, ông bà mới biết D đã sử dụng tàu và thuê người khai thác cát trái phép ở sông V. Ông bà đề nghị Cơ quan pháp luật cho ông bà xin lại tàu để ông bà sử dụng và đăng ký đăng kiểm theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn D2, Bùi Văn H, Bùi Đoan T khai thống nhất như Nguyễn Đình D, ngoài ra các anh khai: Tối ngày 22/02/2023, sau khi D đưa các anh ra tàu đi khai thác cát thì anh D2 điều khiển tàu chạy, anh H nổ máy hút cát, anh T phụ trách ống hút cát. Khoảng 22 giờ cùng ngày, các anh đang khai thác cát trên sông V, tại khu vực xã N, huyện K thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt giữ. Các anh chưa nhận được tiền công từ D trả. Đối

với điện thoại các anh sử dụng liên hệ đi khai thác cát đã bị rơi mất nên không giao nộp được cho Cơ quan Công an. Các anh không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản. Quá trình điều tra, anh D2 giao nộp 01 sim điện thoại số 0973168037 sử dụng liên lạc với D để khai thác cát trái phép, ngoài ra các anh giao nộp lại tài sản mà các anh sử dụng vào việc khai thác cát trái phép trong các ngày 15,16/01/2023, gồm anh D2 giao nộp 01 mũ len màu vàng đen; 01 áo khoác dạ màu đen; 01 quần thun màu đen; 01 đôi ủng cao su màu xanh, anh H giao nộp 01 áo mưa tối màu; 01 quần tối màu; 01 đôi ủng cao su dàn di màu vằn xanh và 400.000 đồng (do D trả công khai thác cát ngày 15,16/01/2023). Anh T giao nộp 01 áo mưa tối màu; 01 đôi ủng cao su màu xanh thẫm và 400.000 đồng (do D trả công khai thác cát ngày 15,16/01/2023).

Người làm chứng Trịnh Thị H2 khai phù hợp với Nguyễn Đình D về việc bà mua cát vào ngày 15,16/01/2023 của người có số điện thoại đuôi 037, bà không xác định được ai, khối lượng cát khoảng 80,0m^3, do cát xấu nên bà trả với giá 45.000 đồng/ khối. Tổng cộng 3.600.000 đồng, sau khi mua cát, bà dùng để san lấp vào khu đất trũng của gia đình và bán cho người không quen biết hết, khi mua bà không biết nguồn gốc do người bán đã hút cát trái phép. Ngoài ra bà không mua thêm lần nào.

Về vật chứng*:* Tạm giữ 01 tàu vỏ sắt, ghi số hiệu HD2565, trên khoang tàu chứa 22,5m^3 khoáng sản cát đen có lẫn nhiều tạp chất. Tạm giữ của Nguyễn Đình D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo lắp sim số 0902075918; 01 điện thoại đi động Nokia lắp sim số 0936803211; 01 sim điện thoại số 0961319996. Tạm giữ của Nguyễn Văn D2 01 mũ len màu vàng đen; 01 áo khoác dạ màu đen; 01 quần thun màu đen; 01 đôi ủng cao su màu xanh; 01 sim điện thoại 0973168037. Tạm giữ của Bùi Văn H 01 áo mưa tối màu; 01 quần tối màu; 01 đôi ủng cao su dàn di màu vằn xanh. Tạm giữ của Bùi Đoan T 01 áo mưa tối màu; 01 đôi ủng cao su màu xanh thẫm. Tạm giữ 2.800.000 đồng (gồm 2.000.000 đồng do D tự nguyện giao nộp; 400.000 đồng do H giao nộp; 400.000 đồng do T giao nộp), đều chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên". Ngoài ra bị cáo khai: Khi bố mẹ đẻ bị cáo giao tàu vỏ sắt, ghi số hiệu HD2565 thuộc quyền sở hữu của bố mẹ đẻ bị cáo để bị cáo quản lý và sử dụng vào việc kinh doanh, chuyển tải cát thuê nH vì ít người thuê nên bị cáo nảy sinh khai thác cát để bán kiếm lời. Hành vi thuê các anh D2, T, H khai thác cát trái phép là do một mình bị cáo thực hiện, bị cáo không bàn bạc với ai, bị cáo cũng không thông báo cho bố mẹ đẻ bị cáo biết. Khi liên hệ, bị cáo sử dụng điện thoại Nokia lắp sim số 0961319996, bị cáo không sử dụng điện thoại Oppo lắp sim số 0902075918 và số 0936803211 để liên lạc trong việc khai

thác cát trái phép. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo xin lại điện thoại Oppo để sử dụng. Bị cáo biết hành vi của bị cáo không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản và khai thác ở vị trí Nhà nước không cho phép là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ân hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra là tiền bị cáo thu lợi từ việc khai thác cát ngày 15,16/01/2023. Nay bị cáo vẫn tự nguyện nộp số tiền này vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đình C, Phạm Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn ông bà vẫn giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra và đề nghị xin lại tàu vỏ sắt, ghi số hiệu HD2565 để ông bà sử dụng.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKSKT, ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Đình D về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, giữ nguyên cáo trạng, truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D: Từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo và 22,5m^3 khoáng sản cát đen có lẫn nhiều tạp chất. Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số 0961319996 của bị cáo; 01 sim số 0973168037 của anh Nguyễn Văn D2. Trả lại ông Nguyễn Đình C và bà Phạm Thị H1 01 tàu vỏ sắt, ghi số hiệu HD2565. Trả lại anh Bùi Văn H 400.000 đồng, 01 áo mưa tối màu, 01 quần tối màu, 01 đôi ủng cao su màu vằn xanh. Trả lại anh Bùi Đoan T 400.000 đồng, 01 áo mưa tối màu, 01 đôi ủng cao su màu xanh thẫm. Trả lại anh Nguyễn Văn D2 01 mũ len màu vàng đen, 01 áo khoác dạ màu đen, 01 quần thun màu đen, 01 đôi ủng cao su màu xanh. Trả lại bị cáo 01 điện thoại đi động Oppo, 01 sim số 0902075918 và 01 sim số 0936803211 nhưng tiếp tục tạm giữ điện thoại để bảo đảm thi hành án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng*:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, biên bản ghi nhận vụ việc, biên bản kiểm tra phương tiện, vật chứng thu giữ, Chứng thư giám định, Kết luận định giá tài sản và nội dung bản cáo trạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Ngà y 22/02/2023, tại khu vực sông V thuộc địa phận xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; bị cáo Nguyễn Đình D không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản nH vẫn thực hiện việc khai thác khoáng sản (cát đen) trái phép, vi phạm quy định tại Điều 4 Luật khoáng sản: "*chỉ được tiến hành hoạt động khoáng sản khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép"*. Ngày 15/4/2022 bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát) trái phép; căn cứ vào điều 6, điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính, tính đến ngày 22/02/2023 thì bị cáo chưa hết thời hiệu được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nH bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện việc khai thác khoáng sản (cát đen) trái phép để thu lợi bất chính. Tổng khối lượng cát đen bị cáo đã khai thác trái phép là 22,5 m^3 có giá trị 2.700.000 đồng. Như vậy bị cáo đã phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự đúng như Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị tại phiên tòa.

[3] Tính chất vụ án ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về nghiên cứu thăm dò, khai thác tài nguyên, làm ảnh hưởng đến môi trường, gây lún sụt các công trình xung quanh, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Nhân thân bị cáo: Ngày 15/4/2022 bị Công an thành phố Hải Phòng xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi khai thác khoáng sản (cát) trái phép (chưa hết thời hiệu được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính), là yếu tố định tội lần này nên không xác định tái phạm đối với bị cáo. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú được chính quyền địa phương xác nhận.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, bị cáo khai ra hành vi khai thác khoáng sản cát trái phép vào ngày 15,16/01/2023 và tự nguyện giao nộp 2.000.000 đồng thu lợi từ việc khai thác cát để sung vào ngân sách Nhà nước; bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ; gia đình bị cáo có đơn xin bảo lĩnh được chính quyền địa phương xác nhận, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Sau khi xem xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa hết thời hiệu được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, là yếu tố định tội lần này, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, gia đình bị cáo có đơn xin bảo lĩnh được chính quyền địa phương xác nhận ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Do đó không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù giam mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nH cho hưởng án treo đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/ tháng nên áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, mức phạt tiền như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với 01 tàu vỏ sắt, ghi số hiệu HD2565 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình C và bà Phạm Thị H1 nhưng ông C, bà H1 không biết bị cáo sử dụng tàu thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho ông C, bà H1 theo quy định tại

khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 01 điện thoại Nokia tạm giữ của bị cáo là phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc với các anh D2, H, T đi khai thác cát trái phép, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

[9.2] Đối với 01 sim điện thoại số 0961319996 tạm giữ của bị cáo và 01 sim điện thoại 0973168037 tạm giữ của anh Nguyễn Văn D2 là các số điện thoại dùng để liên lạc thực hiện hành vi khai thác cát trái phép nH không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[9.3] Đối với 01 điện thoại Oppo, sim số 0902075918 và sim số 0936803211 tạm giữ của bị cáo. 01 mũ len màu vàng đen, 01 áo khoác dạ màu đen, 01 quần thun màu đen, 01 đôi ủng cao su màu xanh, tạm giữ của anh Nguyễn Văn D2. Số tiền 400.000 đồng, 01 áo mưa tối màu, 01 quần tối màu, 01 đôi ủng cao su màu vằn xanh tạm giữ của anh Bùi Văn H. Số tiền 400.000 đồng, 01 áo mưa tối màu, 01 đôi ủng cao su màu xanh thẫm tạm giữ của anh Bùi Đoan T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các chủ sở hữu nhưng tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại Oppo của bị cáo để bảo đảm thi hành án.

[9.4] Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra, do bị cáo thu lợi từ hành vi khai thác cát trái phép ngày 15,16/01/2023. Tại phiên tòa bị cáo vẫn tự nguyện giao nộp để sung vào ngân sách Nhà nước nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước. Khối lượng 22,5m^3 cát đen lẫn nhiều tạp chất, do bị cáo phạm tội mà có, cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự (toàn bộ đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý).

[10] Trong vụ án này, Ông Nguyễn Đình C, bà Phạm Thị H1 là chủ sở hữu tàu vỏ sắt ghi số hiệu HD 2565 và giao tàu này cho bị cáo quản lý, sử dụng nhưng không biết bị cáo thực hiện hành vi khai thác cát trái phép nên không bị xử lý là đúng pháp luật.

[11] Ông Nguyễn Đình C đưa vào sử dụng phương tiện thủy không có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, không có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định; giao cho người không có chứng chỉ chuyên môn điều khiển phương tiện; anh Nguyễn Văn D2 có hành vi điều khiển phương tiện không có chứng chỉ chuyên môn theo quy định; Cơ quan điều tra chuyển tài liệu đến Ủy ban nhân dân huyện K xử phạt hành chính theo thẩm quyền là phù hợp.

[12] Ngày 22/02/2023, anh Nguyễn Văn D2, anh Bùi Đoan T, anh Bùi Văn H có hành vi khai thác khoáng sản (cát) trái phép; khoáng sản trị giá 2.700.000 đồng nhưng nhân thân các anh đều chưa có tiền án, tiền sự nên không cấu thành tội

phạm. Cơ quan điều tra chuyển tài liệu đến Ủy ban nhân dân huyện K xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền là có căn cứ.

[13] Các ngày 15 và 16/01/2023, bị cáo cùng các anh D2, H, T khai nhận đã khai thác trái phép khoảng 80m^3 cát tại khu vực sông V nhưng không nhớ cụ thể vị trí đã khai thác cát và bán cho bà Trịnh Thị H2. Bà H2 san lấp ruộng của gia đình và bán hết, Cơ quan điều tra không thu hồi được, Hội đồng định giá tài sản không đủ căn cứ định giá tài sản nên không có căn cứ xử lý. Bà Trịnh Thị H2 có hành vi mua cát đen của bị cáo nhưng không biết cát đen do bị cáo khai thác trái phép mà có nên không có căn cứ xử lý là đúng pháp luật.

[14] Về án phí: Bị cáo không thuộc trường hợp không phải chịu án phí hoặc được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D: 09 (chín) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên " nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự như sau:*"Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.*

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục;

trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo"

Căn cứ Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại Nokia; 2.000.000đ (hai triệu đồng) và 22,5m^3 khoáng sản cát đen có lẫn nhiều tạp chất. Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0961319996; 01 sim số 0973168037. Trả lại bị cáo 01 điện thoại đi động Oppo, 01 sim số 0902075918 và 01 sim số 0936803211 nhưng tiếp tục tạm giữ điện thoại Oppo để bảo đảm thi hành án. Trả lại ông Nguyễn Đình C và bà Phạm Thị H1 01 tàu vỏ sắt, ghi số hiệu HD2565. Trả lại anh Bùi Văn H 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), 01 áo mưa tối màu, 01 quần tối màu, 01 đôi ủng cao su màu vằn xanh. Trả lại anh Bùi Đoan T 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), 01 áo mưa tối màu, 01 đôi ủng cao su màu xanh thẫm. Trả lại anh Nguyễn Văn D2 01 mũ len màu vàng đen, 01 áo khoác dạ màu đen, 01 quần thun màu đen, 01 đôi ủng cao su màu xanh. (chi tiết toàn bộ vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận ngày 07/7/2023, ngày 27/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K) và theo Ủy nhiệm chi lập ngày 24/7/2023 tại Kho bạc Nhà nước huyện K, thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa

vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- PC 10; PV 06;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ;
- Bị cáo;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu